TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2023
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh
2. Ông Trần Hoàng Trọng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023. Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Thị Bích T, sinh năm: 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Trương Văn Vững, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Danh T, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Trương Văn vững, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2023 và quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn Thị Bích Ttrình bày: Chị và Anh Danh T qua quen biết tự tìm hiểu, cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Hưng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau làm mất dần tình cảm. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay Chị Tkhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết ly hôn với anh T. Trong quá trình chung sống chị và anh T có 03 con chung là Danh Quốc Minh, sinh ngày 19/3/2011,

Danh Quốc Toàn sinh ngày 16/5/2013 và Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 21/6/2016. Hiện nay các con đang sống cùng Chị Ttại ấp Trương Văn Vững, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị yêu cầu được quyền nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Chị Tkhông yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Anh Danh T không giao nộp bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tuyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Tkhởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh T nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh T có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời gian quy định vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh T đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt, không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh T theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét về hôn nhân: Chị Tvà anh T kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Chị Tcho rằng vợ chồng chung sống không hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau làm mất dần tình cảm nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Tuy anh T không có ý kiến đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, cũng như trình bày quan điểm về hôn nhân của anh chị nhưng anh không có động thái nào để hàn gắn thông qua việc Chị Trút đơn khởi kiện về đoàn tụ. Từ những nhận định cho trên cho thấy anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, đời sống chung vợ chồng không còn tồn tại nên Chị Tyêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ; Hội đồng xét xử thống nhất khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho Chị Thị Bích T được ly hôn với Anh Danh T.

Về con chung: Quá trình khởi kiện, tại phiên Tòa Chị Tyêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cả 03 con không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của chị Tuyền, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện các con đang sống với chị Tuyền, các

con của anh chị vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Mặt khác anh chị đã ly thân, anh T không nêu quan điểm về việc nuôi dạy con chung chưa trưởng thành. Từ đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Danh Quốc Minh, sinh ngày 19/3/2011, Danh Quốc Toàn sinh ngày 16/5/2013 và Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 21/6/2016 cho Chị Ttrực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con do Chị Tkhông yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Tkhông yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí ly hôn sơ thẩm Chị Tphải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Tđã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003504 ngày 13/02/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Thị Bích Tđược ly hôn với Danh T.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Danh Quốc Minh, sinh ngày 19/3/2011, Danh Quốc Toàn sinh ngày 16/5/2013 và Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 21/6/2016 cho Chị Ttrực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị Tkhông yêu cầu. Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm Chị Thị Bích T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Tđã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003504 ngày 13/02/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Tcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/5/2023); anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Dương Văn Hôm